

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HC-PT

Ngày: 08/01/2024

V/v: Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất,
quyết định cưỡng chế thu hồi đất và quyết
định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhận, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần - Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 613/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 8 năm 2023, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15091/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* Người khởi kiện: Ông [Nguyễn Đức X](#), sinh năm 1964.

Địa chỉ: [Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh](#), (có mặt).

* Người bị kiện:

1. [UBND huyện Y](#);

2. Chủ tịch [UBND huyện Y](#);

Người đại diện theo pháp luật là ông [Nguyễn Chí C](#) – Chủ tịch [UBND huyện Y](#), tỉnh Bắc Ninh, (xin xét xử vắng mặt);

3. Chủ tịch [UBND xã D, huyện Y](#); Địa chỉ: [Xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh](#);

Người đại diện theo ủy quyền là ông [Đặng Hoài T](#) – Phó Chủ tịch [UBND xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh](#).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà [Đào Thị L](#), sinh năm 1963;
2. Chị [Nguyễn Thị M](#), sinh năm 198;

Người đại diện theo ủy quyền của bà [L](#) và chị [M](#) là ông [Nguyễn Đức X](#), sinh năm 1964, (có mặt);

Cùng địa chỉ: [Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh](#).

3. Hợp tác xã [thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh](#); Địa chỉ: [L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh](#), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 15/6/2022 và trong quá trình tố tụng người khởi kiện là ông [Nguyễn Đức X](#) trình bày:*

Gia đình ông [Nguyễn Đức X](#) được Hợp tác xã [thôn L](#) giao cấp đất nông nghiệp từ năm 1988, đến năm 2009 - 2010, [UBND xã D](#) và [thôn L](#) thực hiện theo kế hoạch của [UBND huyện Y](#) về việc dồn điền đổi thửa từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, trong quá trình giao đất nông nghiệp khi dồn điền đổi thửa thì Hợp tác xã [thôn L](#) đã tính toán, đổi trừ đất vườn ao, đất ruộng canh tác, chuyển đổi từ đất vườn và đất ở, đã có hành vi vi phạm xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông dẫn đến gia đình ông bị thiếu đất canh tác. Ông đã làm đơn khiếu nại gửi [UBND xã D](#) đề nghị [UBND xã D](#) xem xét lại việc chia ruộng để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông. [UBND xã D](#) đã có công văn số 237/CV-UBND ngày 23/11/2020 về việc trả lời đơn của ông. Không đồng ý với việc trả lời đơn của [UBND xã D](#) nên ông đã làm đơn khiếu nại nội dung trả lời đơn của [UBND xã D](#). Ngày 05/01/2021, [UBND xã D](#) đã có quyết định số 01/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) lần đầu. Ông không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của [UBND xã D](#), nên ông đã làm đơn khiếu nại đến [UBND huyện Y](#). Tại quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D](#). Ông thấy [UBND huyện Y](#) giải quyết đơn khiếu nại cho gia đình ông như vậy là không đúng. Vậy ông làm đơn khởi kiện tới Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Hủy quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của [UBND xã D](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#).

- Hủy Quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#).

- Hủy quyết định số 2406/QĐ- UBND ngày 09/10/2013 của [UBND huyện Y](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn.

- Yêu cầu [UBND xã D](#) và Hợp tác xã [thôn L](#) phải bồi thường thiệt hại về việc cấp đất không đúng theo quy định của pháp luật kể từ năm 1992 đến năm 2010 là 18 năm bị thiệt hại do UBND xã đã cắt 640 m² đất nông nghiệp với số tiền là 64.512.000đ; Từ năm 2010 đến năm 2023 bị cắt 964 m² đất nông nghiệp khi dồn

điền đổi thửa với số tiền là 161.730.000đ. Tổng số tiền mà [UBND xã D](#) và Hợp tác xã [thôn L](#) phải bồi thường cho gia đình ông là 226.242.000đ.

- Yêu cầu [UBND huyện Y](#) và [Phòng T1](#) huyện phải trả cho ông số tiền 137.809.360đ đây là số tiền mà ông đã nộp cho Nhà nước để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu số tiền lãi của số tiền 137.809.360đ từ ngày 10/9/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án là 27.561.872đ

Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

* *Người bị kiện là [UBND huyện Y](#), Chủ tịch [UBND huyện Y](#) và Người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

1. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#) thì [UBND huyện Y](#) có ý kiến như sau:

+ *Về quá trình phát sinh đơn và kết quả giải quyết của cấp thẩm quyền:*

- Ngày 02/9/2020, ông [Nguyễn Đức X](#) có đơn đề nghị gửi [UBND xã D](#).

- Ngày 23/11/2020, Chủ tịch [UBND xã D](#) ban hành Văn bản số 237/CV-UBND v/v trả lời đơn của ông [Nguyễn Đức X](#).

- Ngày 27/11/2020, ông [Nguyễn Đức X](#) có đơn khiếu nại nội dung trả lời của Chủ tịch [UBND xã D](#) tại Văn bản số 237/CV-UBND ngày 23/11/2020.

- Ngày 05/01/2021, Chủ tịch [UBND xã D](#) ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#), công dân [thôn L](#) (lần đầu).

- Không đồng ý với việc giải quyết của Chủ tịch [UBND xã D](#), ông [Nguyễn Đức X](#) tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch [UBND huyện Y](#). Ngày 21/01/2021, Chủ tịch UBND huyện có Văn bản số 125/UBND-NC giao Trưởng phòng TN&MT huyện xem xét, tham mưu giải quyết vụ việc.

- Ngày 29/3/2021, [Phòng T1](#) huyện tổ chức buổi làm việc để xác minh, làm rõ nội dung đơn của ông [Nguyễn Đức X](#). Nội dung đơn như sau: Ông [Nguyễn Đức X](#) khiếu nại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Chủ tịch [UBND xã D](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#), công dân [thôn L](#) (lần đầu).

Lý do khiếu nại: Ông [Nguyễn Đức X](#) cho rằng quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch [UBND xã D](#) không đúng quy định, không dựa vào chứng cứ công dân cung cấp như: Địa phương giao thiếu 406 m² đất nông nghiệp so với định suất chia ruộng của gia đình ông [X](#); Đền bù [đường N](#) - Phù Cầm gia đình ký nhận 10,6 m² nhưng địa phương lại trừ 86 m²; Giao đất “lô 3” không đúng quy chế chia ruộng của địa phương.

- Sau khi xác minh, [Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1](#) có Báo cáo số 39/BC-TNMT ngày 30/7/2021.

- Ngày 02/8/2021, Chủ tịch [UBND huyện Y](#) ban hành Quyết định số 5349/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#).

- Quá trình giải quyết đơn khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) là đúng theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

- Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Đối với yêu cầu hủy quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn; yêu cầu [UBND huyện Y](#) và [Phòng T1](#) huyện phải trả cho ông [X](#) số tiền 137.809.360 đồng, đây là số tiền mà ông [X](#) đã nộp cho Nhà nước để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu số tiền lãi của số tiền 137.809.360 đồng từ ngày 10/9/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án là 27.561.872 đồng thì phía [UBND huyện Y](#) có ý kiến như sau:

+ *Về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông [Nguyễn Đức X](#), đơn đề ngày 01/11/2012;

- Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng) ngày 13/8/2003;

- Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc năm 2003;

- Biên bản kết thúc công khai kết quả xét duyệt đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của [UBND xã D](#) (ngày 04/4/2013);

- Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư (Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất) được [UBND xã D](#) xác nhận (ngày 13/5/2013);

- Giấy xác nhận (Về nguồn gốc sử dụng đất) của [UBND xã D](#) (ngày 13/5/2013);

- Biên bản xét duyệt của Hội đồng Đăng ký đất đai [UBND xã D](#) (ngày 13/5/2013);

- Tờ trình số 13/TT-UB, ngày 13 tháng 5 năm 2013 của [UBND xã D](#) về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#) sử dụng đất tại [xã D](#);

- Tờ trình số 1410/TTr-TNMT, ngày 08 tháng 10 năm 2013 của [Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1](#);

- Thông báo nộp thuế của [Chi Cục thuế Y](#) (ngày 18/10/2013);

- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước do ông [Nguyễn Đức X](#) nộp tiền (ngày 01/09/2021);

- Quyết định số 2406/QĐ-UBND của [UBND huyện Y](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#) sử dụng đất trên địa bàn [xã D](#) (ngày 09/10/2013).

Như vậy, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26, diện tích 403m² tại [thôn L, xã D](#) đã được [UBND huyện Y](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC117838, chủ sử dụng đất là [Nguyễn Đức X](#), sinh năm 1964; trú tại [thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh](#); căn cứ pháp lý vào sổ Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của UBND huyện; số vào Sổ cấp giấy chứng nhận: CH 0055936. Việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận nêu trên là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tháng 7 năm 2022, hộ ông [Nguyễn Đức X](#) đã chuyển nhượng một phần diện tích 120m² đất đó cho ông [Đới Đăng H](#), sinh năm 1994 ở [xã T, G, Hà Nội](#) (có hồ sơ chuyển nhượng kèm theo).

+ *Quan điểm về giải quyết vụ án:*

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật và không chấp nhận yêu cầu của ông [X](#) về việc trả lại cho gia đình ông số tiền 137.809.360đ mà ông đã nộp vào Nhà nước theo quy định và khoản tiền lãi là 27.561.872đ.

* *Người bị kiện là Chủ tịch [UBND xã D, huyện Y](#) và Người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông [Nguyễn Đức X](#) yêu cầu hủy quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của [UBND xã D](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#) và yêu cầu [UBND xã D](#) và Hợp tác xã [thôn L](#) phải bồi thường thiệt hại về việc cấp đất không đúng theo quy định của pháp luật kể từ năm 1992 đến năm 2010 là 18 năm bị thiệt hại do UBND xã đã cắt 640 m² đất nông nghiệp với số tiền là 64.512.000đ; Từ năm 2010 đến năm 2023 bị cắt 964 m² đất nông nghiệp khi dồn điền đổi thửa với số tiền là 161.730.000đ. Tổng số tiền mà [UBND xã D](#) và Hợp tác xã [thôn L](#) phải bồi thường cho gia đình tôi là 226.242.000đ thì phía [UBND xã D](#) có quan điểm như sau:

Về quá trình phát sinh đơn và kết quả giải quyết của UBND xã:

- Ngày 02/9/2020, ông [Nguyễn Đức X](#) có đơn đề nghị gửi [UBND xã D](#). Sau khi xem xét đơn của ông [Nguyễn Đức X](#), UBND xã đã tiến hành xác minh cụ thể theo các nội dung đề nghị trong đơn.

- Ngày 23/11/2020, căn cứ kết quả xác minh Chủ tịch [UBND xã D](#) ban hành Văn bản số 237/CV-UBND v/v trả lời đơn của ông [Nguyễn Đức X](#).

- Ngày 27/11/2020, ông [Nguyễn Đức X](#) có đơn khiếu nại nội dung trả lời của Chủ tịch [UBND xã D](#) tại Văn bản số 237/CV-UBND ngày 23/11/2020. Lý do: HTX [thôn L](#) làm sai lệch hồ sơ dẫn đến gia đình ông mất 706m² đất.

- UBND xã mời lãnh đạo [thôn L](#) tiếp tục tiến hành xác minh diện tích đất nông nghiệp được giao đối với hộ ông [Nguyễn Đức X](#) tại biên bản làm việc ngày 08/12/2020. Sau khi tiến hành xác minh cụ thể, số diện tích đất sau dồn điền đổi thửa và đối trừ với diện tích đất ở nhà ông [Nguyễn Đức X](#) thì HTX [thôn L](#) còn giao thiếu đối với hộ ông [X](#) là 7,9m² chứ không phải là 706m² như ông [X](#) trình bày.

- Ngày 05/01/2021, Chủ tịch [UBND xã D](#) ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#), công dân [thôn L](#) (lần đầu).

- Không đồng ý với việc giải quyết của Chủ tịch [UBND xã D](#), ông [Nguyễn Đức X](#) tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch [UBND huyện Y](#).

Ý kiến của Chủ tịch [UBND xã D](#):

- Quá trình giải quyết đơn khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) là đúng theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do cắt đất canh tác thiếu cho hộ ông [X](#) thì phía [UBND xã D](#) không chấp nhận.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Người có quyền vụ và nghĩa vụ liên quan*: HTX [thôn L](#), [xã D](#), [huyện Y](#) đã căn cứ đúng theo số diện tích đất canh tác mà gia đình ông [X](#) sử dụng trước về việc ông [Nguyễn Đức X](#) yêu cầu Hợp tác xã [thôn L](#) và [UBND xã D](#) cùng phải bồi thường thiệt hại cho gia đình cho ông [X](#) do có việc cấp đất nông nghiệp không đúng. Cụ thể: Giai đoạn từ năm 1992 - 2010 đã cắt 640m² đất ruộng ngoài đồng với số tiền là 64.512.000đ; Từ năm 2010 - 2023 đã cắt 964m² đất nông nghiệp khi dồn điền đổi thửa với số tiền là 161.730.000đ. Tổng cả hai khoản là 226.242.000đ. Chúng tôi xác định chúng tôi không liên quan gì đến việc kiện hành chính này của ông [X](#). Do vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết vụ án của ông [X](#) theo quy định của pháp luật và chúng tôi xin được từ chối tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh không triệu tập chúng tôi đến làm việc.

Tòa án đã tiến hành cho các bên đương sự đối thoại, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu bồi thường. Tòa án nhân dân

tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 115, 116 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 17, 18, 27, 28, 29, 30, 31, 33 Luật khiếu nại; Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Đức X](#) bao gồm:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#).

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của [UBND xã D](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#).

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của [UBND huyện Y](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#).

- Bác yêu cầu [UBND xã D](#) và Hợp tác xã [thôn L](#) phải bồi thường 02 giai đoạn, giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2010 là 18 năm bị thiệt hại do cắt 640m² đất nông nghiệp với số tiền là 64.512.000đ; Từ năm 2010 đến năm 2023 bị cắt 964m² đất nông nghiệp khi dồn điền đổi thửa với số tiền là 161.730.000đ.

- Bác yêu cầu [UBND huyện Y](#) và [Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1](#) phải trả cho ông 137.809.360đ và số tiền lãi của số tiền 137.809.360đ từ ngày 01/9/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án là 27.561.872đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2023, người khởi kiện là ông [Nguyễn Đức X](#) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông [Nguyễn Đức X](#) rút toàn bộ yêu cầu về phần bồi thường và rút yêu cầu hủy quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của [UBND huyện Y](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn; ông kháng cáo xem xét hủy quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của [UBND xã D](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#) và hủy Quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#), yêu cầu [HTX L1](#) (do vi phạm Luật giải quyết khiếu nại) và [UBND xã D](#) trả lại đủ diện tích đất cho gia đình ông với diện tích là 1034m² và trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của ông [Nguyễn Đức X](#) trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông [X](#) rút yêu cầu khởi kiện về phần bồi thường và hủy Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của [UBND huyện Y](#). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ yêu cầu này của ông [X](#).

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ hình thức, thẩm quyền và nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại cũng như các vấn đề khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện và đã bác yêu cầu khởi kiện của ông [X](#) là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông [X](#) không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới khác với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 234 và khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần bồi thường và Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 09/10/2013; bác kháng cáo của ông [X](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông [Nguyễn Đức X](#) trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thời hiệu và xác định tư cách những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm có đương sự vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, có đại diện theo ủy quyền hoặc đã được triệu tập hợp lệ và những người này không có kháng cáo và trong quá trình giải quyết vụ án đã có quan điểm. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: *Xét tính hợp pháp của các quyết định:*

[2.1] Đối với Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của [UBND xã D](#) và Quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#).

* *Về thẩm quyền ban hành:* Chủ tịch [UBND xã D](#) ban hành quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021. Trong quyết định giải quyết khiếu nại ngày 05/01/2021 về hình thức văn bản của Quyết định ở phần đầu của quyết định ghi UBND xã Dũng Liệt là chưa đúng với hình thức văn bản, tuy nhiên cuối quyết định đã ghi ký thay Chủ tịch là đúng quy định. Sự nhầm lẫn này không ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân do vậy không có căn cứ để hủy quyết định mà [UBND xã D](#) chỉ cần rút kinh nghiệm là phù hợp.

Do không đồng ý với quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Chủ tịch [UBND xã D](#) nên ông [X](#) đã khiếu nại lên [UBND huyện Y](#) và Chủ tịch [UBND huyện Y](#) đã ban hành quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#).

Vậy việc ban hành 02 quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Chủ tịch [UBND xã D](#) và số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) là đúng thẩm quyền được quy định tại điều 8 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; tại Điều 17, 18, 27, 28, 29 Luật khiếu nại 2011 và Thông tư số 07/2013TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

** Về trình tự thủ tục ban hành:* [UBND xã D, huyện Y](#) sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông [X](#) đã tổ chức buổi làm việc với các đồng chí lãnh đạo [thôn L](#) và các ông trong ban dân điền đổi thửa thôn làm công tác giao lại ruộng khi dân điền đổi thửa năm 2009 - 2010 trên địa bàn [thôn L](#), đồng thời xác minh làm rõ diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông [X](#) được giao để kiểm tra xem xét hồ sơ, tiến hành làm việc với các cán bộ để xác minh là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định theo Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124 ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Đối với quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#). Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch [UBND huyện Y](#) đã giao cho [Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1](#) là cơ quan chuyên môn xem xét kiểm tra hồ sơ, xác minh là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định theo Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124 ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

** Về nội dung:* Căn cứ vào kế hoạch hướng dẫn số 264/2007/KH của [UBND huyện Y](#) về việc dân điền đổi thửa; Thực hiện nghị quyết họp dân ngày 28 - 29/9/2009 với mục đích dân điền đổi thửa từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn đã được Chi ủy, chi bộ và toàn bộ nhân dân họp bàn thống nhất cao; Ban dân điền đổi thửa [thôn L](#) đã có báo cáo kế hoạch chia ruộng bước 4 và ngày 21/12/2009, Trưởng ban dân điền đổi thửa đã xây dựng quy chế gấp phiếu theo kế hoạch ghép vùng của Ban dân điền đổi thửa. Căn cứ vào sổ thống kê tổng hợp đất thổ cư, đất 5% lao động năm 1988 – 1992 – 2009; Sổ thống kê hiện trạng sử dụng đất của các hộ trước và sau dân điền đổi thửa năm 2009- 2010; Thống kê diện tích quỹ đất 10% tổng hợp diện tích trừ đất – đổi ao năm 2010 của [thôn L](#); Bảng tổng hợp danh sách kết quả sau khi dân điền đổi thửa xong của [thôn L](#) và các phiếu chi tiền đền bù giải phóng mặt bằng [đường N](#) – Phù Cầm thể hiện gia đình ông [X](#) đã nhận đủ diện tích đất canh tác theo định xuất được hưởng, nhận đủ tiền đền bù và không có đơn thư khiếu nại gì liên quan đến việc chia lại ruộng. Tại biên bản làm việc về việc giải quyết đơn thư khiếu nại của ông [X](#) ngày 13/10/2020 của [UBND xã D](#) đã yêu cầu ông [X](#) cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình về việc giao đất thiếu cho gia đình ông nhưng ông không cung cấp được. Trong báo cáo số 39/BC-TNMT của [UBND huyện Y](#) ngày 30/7/2021 cũng đã báo cáo rất chi tiết cụ thể phần ruộng gia đình nhà ông [X](#)

được chia từ năm 1992 cho đến khi dồn điền đổi thửa năm 2009 – 2011, phần diện tích đất trù ruộng ngoài đồng để đổi ao, diện tích đất được đền bù giải phóng làm [đường N - P](#) và diện tích đất lô 3 tại khu vực [đình Á](#) để đưa ra kết quả.

Như vậy, Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của [UBND xã D](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#) và Quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#) đã theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Từ các phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của [UBND xã D](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#) và Quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#) ở [thôn L, xã D, huyện Y](#) không có căn cứ.

[2.2] Đối với Quyết định số 2406/QĐ- UBND ngày 09/10/2013 của [UBND huyện Y](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#) sử dụng đất trên địa bàn [xã D](#).

** Về thẩm quyền và trình tự ban hành:* [UBND huyện Y](#) ban hành quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 là đúng thẩm quyền, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định của Luật đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP; Nghị định 84/2007/NĐ-CP và Nghị định 88/2009/NĐ-CP.

** Về nội dung:* Căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông [Nguyễn Đức X](#), đơn đề ngày 01/11/2012 đối với thửa đất số 266 tờ bản đồ 26 diện tích 403m² tại [thôn L, xã D](#), có nguồn gốc là do thôn cấp năm 1988; và các tài liệu có liên quan biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng là 403m²) ngày 13/8/2003; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc năm 2003; Biên bản kết thúc công khai kết quả xét duyệt đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của [UBND xã D](#) (ngày 04/4/2013); Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư (Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất) được [UBND xã D](#) xác nhận; Giấy xác nhận (Về nguồn gốc sử dụng đất) của [UBND xã D](#); Biên bản xét duyệt của Hội đồng Đăng ký đất đai [UBND xã D](#) cùng ngày 13/5/2013; Tờ trình số 13/TT-UB, ngày 13 tháng 5 năm 2013 của [UBND xã D](#) về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#) sử dụng đất tại [xã D](#); Tờ trình số 1410/TTr-TNMT, ngày 08 tháng 10 năm 2013 của [Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1](#); Ngày 09/10/2013 [UBND huyện Y](#) đã ra quyết định số 2406/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#) sử dụng đất trên địa bàn [xã D](#). Như vậy thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26, diện tích 403 m² tại [thôn L, xã D](#) đã được [UBND huyện Y](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 117838, chủ sử dụng đất là [Nguyễn Đức X](#), sinh năm 1964, trú tại [thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh](#) ngày 10/9/2021 số vào Sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00559.

Ngày 01/9/2021, ông X mới nộp tiền thuế và nhận GCNQSDĐ, nhưng ông X không có ý kiến và khiếu nại gì đối với quyết định số 2406/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đức X đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26, diện tích 403 m². Đến tháng 7 năm 2022, hộ ông Nguyễn Đức X đã chuyển nhượng một phần của thửa đất cho ông Đới Đăng H diện tích 120m² đất ở. Việc chuyển nhượng đã xong. Ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông X cũng không thắc mắc gì về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Do vậy ông X yêu cầu hủy quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của UBND huyện Y là không có căn cứ.

[2.3] *Về yêu cầu bồi thường:*

[2.3.1] Việc ông X đề nghị UBND xã D và Hợp tác xã thôn L phải bồi thường 02 giai đoạn, giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2010 là 18 năm bị thiệt hại do cất 640m² đất nông nghiệp với số tiền là 64.512.000đ; Từ năm 2010 đến năm 2023 bị cất 964m² đất nông nghiệp khi dồn điền đổi thửa với số tiền là 161.730.000đ. Đối với yêu cầu trên của ông X Hội đồng xét xử xét thấy việc giao đất khi dồn điền đổi thửa đối với hộ ông X, UBND xã D và HTX L1 đã giao cho ông X từ những năm 1992 nhưng ông X không có ý kiến gì về việc UBND xã D và HTX thôn L giao thiếu diện tích đất canh tác cho gia đình nhà ông và tại phiên tòa ông cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác. Do vậy, yêu cầu bồi thường của ông X yêu cầu buộc UBND xã D và HTX L1 phải bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền 226.242.000đ là không có căn cứ để chấp nhận .

[2.3.2] Ông X yêu cầu UBND huyện Y và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phải trả cho gia đình ông X số tiền mà gia đình ông đã nộp cho Nhà nước để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của ông X thể hiện nguồn gốc thửa đất là do thôn cấp từ năm 1988. Hiện thửa đất phù hợp quy hoạch, sử dụng ổn định không có tranh chấp và chưa được dùng để thực hiện bất kỳ quan hệ dân sự nào. Ngày 18/10/2013 Chi cục thuế Y yêu cầu ông Nguyễn Đức X nộp tiền chuyển quyền sử dụng đất với số tiền 65.346.560đ tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Y phải hoàn thành trước ngày 13/3/2014 theo quyết định cấp GCNQSDĐ số 2406. Nhưng đến ngày 01/9/2021 ông X mới nộp số tiền trên và phải nộp tiền chậm nộp các khoản điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý do vậy tổng số tiền ông X phải nộp là 137.809.360đ. Năm 2014 ông X đã nhận được thông báo về việc phải nộp thuế đối với diện tích đất của gia đình ông được cấp theo quyết định cấp GCNQSDĐ số 2406, nhưng ông X không có khiếu nại gì đối với thông báo nộp thuế của Chi cục thuế huyện Y, tại phiên tòa ông X cũng cho rằng tại thời điểm đó do gia đình không có điều kiện và do không hiểu biết nên không khiếu nại, nhưng đến 01/9/2021 thì ông X đã tự nguyện nộp khoản tiền thuế để được nhận GCNQSDĐ mà cũng không có ý kiến gì, còn việc chậm nộp tiền là do lỗi của gia đình ông X nên gia đình ông X phải nộp tiền phạt là phù hợp, mặt khác quyết định số 2406/QĐ- UBND ngày 09/10/2013 của UBND huyện Y về việc

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#) sử dụng đất trên địa bàn [xã D](#) đã ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do vậy đến nay ông [X](#) yêu cầu [UBND huyện Y](#) và [Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1](#) phải trả lại cho ông số tiền 137.809.360đ và số tiền lãi của số tiền 137.809.360đ từ ngày 01/9/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án là 27.561.872đ là không có căn cứ.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Đức X](#) là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông [X](#) kháng cáo toàn bộ bản án.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông [X](#) rút toàn bộ yêu cầu bồi thường và yêu cầu hủy Quyết định số 2406/QĐ- UBND ngày 09/10/2013 của [UBND huyện Y](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#). Phía UBND và Chủ tịch [UBND huyện Y](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện của ông [X](#). Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hủy một phần bản án và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông [X](#) về phần này.

Đối với yêu cầu kháng cáo còn lại, ông [X](#) không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới nào khác so với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông [X](#) và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí hành chính:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông [X](#) rút một phần yêu cầu khởi kiện, nhưng ông [X](#) phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông [X](#) phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 234; khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bác kháng cáo của ông [Nguyễn Đức X](#); Hủy một phần bản án sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông [X](#), cụ thể:

1. Đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 2406/QĐ- UBND ngày 09/10/2013 của [UBND huyện Y](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông [Nguyễn Đức X](#); yêu cầu [UBND xã D](#) và Hợp tác xã [thôn L](#) phải bồi thường 02 giai đoạn, giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2010 là 18 năm bị thiệt hại do cắt 640 m²

đất nông nghiệp với số tiền là 64.512.000đ; Từ năm 2010 đến năm 2023 bị cắt 964 m² đất nông nghiệp khi dồn điền đổi thửa với số tiền là 161.730.000đ và yêu cầu [UBND huyện Y](#) và [Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1](#) phải trả cho ông 137.809.360đ và số tiền lãi của số tiền 137.809.360đ từ ngày 01/9/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án là 27.561.872đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Đức X](#) bao gồm:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 5349/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch [UBND huyện Y](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#).

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của [UBND xã D](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Đức X](#).

3. Về án phí hành chính:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông [Nguyễn Đức X](#) phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 19.580.600 đồng án phí sơ thẩm có giá ngạch. Xác nhận ông [X](#) đã nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai án phí số 0000259 ngày 26/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Số tiền còn lại ông [Nguyễn Đức X](#) còn phải nộp là 19.580.600 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông [X](#) phải nộp 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000382 ngày 05/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHC-TP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Điền

Nguyễn Phương Hạnh

Đặng Văn Hưng